

Bản án số: 158/2023/HS-ST

Ngày 31/10/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đồng Thị Hương
- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Đinh Văn Thông
+ Ông Hoàng Thanh Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phi Hải, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện VKSND thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Huỳnh Như T** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 118/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ **Đào Duy T1**, sinh năm 1984 tại Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: **5 H, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**; Chỗ ở hiện nay: **ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đào Gia L**, sinh năm 1959 và bà **Đàm Thị Kim D**, sinh năm 1960; bị cáo là con út trong gia đình có 04 chị em; vợ: **Nguyễn Thị D1**, sinh năm 1984; có 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo **Đào Duy T1** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2023 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ **Bùi Dưỡng**, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1990 tại Đồng Nai; nơi cư trú: **tổ A, ấp B, xã B, thành phố L, Đồng Nai**; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Bùi D2**, sinh năm 1969 và bà **Cao Thị Đ**, sinh năm 1969; vợ: **Nguyễn Ngọc D3**, sinh năm 1993; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo **Bùi D4** được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2023 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

3/ **Phạm Minh T2**, sinh ngày 24 tháng 5 năm 1992 tại Đồng Nai; nơi cư trú: **ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ học vấn:

09/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phạm Vĩnh C**, sinh năm 1946 (đã chết) và bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1948; bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có 07 anh, chị, em; vợ: **Trần Thị Thanh T3**, sinh năm 1992; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo **Phạm Minh T2** bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/02/2023 cho đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông **Nguyễn Đ1**, Luật sư của **Văn phòng L2** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh Đ**. Địa chỉ: **A P, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. (Có mặt tại phiên tòa.)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh **Phạm Văn Đ2**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai** (Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh **Trần Anh T4**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Anh **Nguyễn Thế A**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh **Trần Trung T5**, sinh năm 1996. Hiện đang chấp hành án tại **trại giam H2**. (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt).

5. Anh **Trần Đức H**, sinh năm 1998. Hiện đang chấp hành án tại **trại giam H2** (Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị vắng mặt).

6. Anh **Trần H1**, sinh năm 1993. Địa chỉ: **khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1/ Ông **Đoàn Anh P**, sinh năm 1974. Địa chỉ: **khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Vắng mặt tại phiên tòa).

2/ Anh **Nguyễn Văn T6**, sinh năm 1997. Địa chỉ: **Số I đường L, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**. (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/04/2022, **Đào Duy T1**, **Bùi D4**, **Phạm Minh T2** và **Phạm Văn Đ2**, sinh năm 1988, cư trú tại: **ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai** cùng nhau hát karaoke tại **cơ sở karaoke H3** thuộc **khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai**.

Khoảng 16 giờ 45 cùng ngày, sau khi hát xong, **T1** điều khiển xe ô tô bán tải biển số 60C-614.32, chở **D4**, **T2** và **Đ2** đi từ bãi đỗ xe của cơ sở karaoke **Hân L1** ra **đường L** hướng về **đường N** để về nhà. Lúc này, **Trần Anh T4**, sinh năm 1984, nơi cư trú: **khu phố E, phường X, thành phố L** đang đỗ xe ô tô biển số 60A-998.25 bên

phải đường L (đối diện cơ sở H3) để đợi Nguyễn Thế A, sinh năm 1993, nơi cư trú: khu phố A, phường X, thành phố L từ trong cơ sở Hân L1 đi ra. Khi xe ô tô của T1 đi ra thì bị vướng xe ô tô của T4 đang đỗ phía trước nên T1 đã cho xe lách qua, di chuyển lên, dừng song song với xe của T4 rồi cự cãi với T4. Lúc này, T1, T2, D4 và Đ2 ngồi trên xe hạ kính ô tô và dùng những lời lẽ thô tục để chửi T4. Do bị nhóm của T1 chửi và thách thức nên T4 đã gọi điện thoại cho Trần Trung T5, sinh năm 1996, nơi cư trú: khu phố A, phường X, thành phố L đến. Một lúc sau, Tín điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển số 60F1- 234.56 chạy từ hướng đường N đến rồi dừng xe chặn trước đầu xe ô tô của T1, cự cãi với T1. Thế Anh lúc này cũng đã đi bộ ra đến chỗ mọi người đang cãi nhau. Thấy T5 chặn đầu xe mình, T1 bước xuống xe để nói chuyện với T5 nhưng quên kéo thắng tay nên xe ô tô của T1 tự trôi về phía trước đụng nhẹ vào xe mô tô của T5. T1 liền quay lại để kéo thắng tay trên xe ô tô. T5 thấy xe ô tô của T1 đụng vào xe mình nên đã xông đến dùng tay nắm vào mặt của T1 nhiều cái. Cùng lúc này, T4 dùng tay nắm vỡ gương chiếu hậu bên phải xe ô tô của T1. Tiếp đó, T1 bước xuống xe để đánh lại T5 thì bị T5 cùng Thế A và T4 nắm, đá nhiều cái vào đầu, mặt làm T1 ngã gục xuống đường. Thấy T1 bị đánh nên D4 và T2 cũng xuống xe lao tới để đánh lại nhóm của T4, T5, Thế A. Riêng Phạm Văn Đ2 không tham gia đánh nhau mà bước xuống xe ô tô rồi bỏ đi ra chỗ khác đứng. Hai nhóm đánh nhau một lát thì có Trần Đức H, sinh năm 1998, nơi cư trú: khu phố A, phường X, thành phố L (em trai của T5) điều khiển xe mô tô chở theo Trần H1, sinh năm 1993, nơi cư trú: khu phố D, phường X, thành phố L đi ngang qua. Thấy anh trai đang đánh nhau nên H và H1 cũng xông vào cùng T4, T5 và Thế A dùng tay, chân để nắm, đá vào người, đập vào đầu và mặt của T2 và D4 làm cả 02 người ngất xỉu nằm trên mặt đường. Sau đó, nhóm của T4 bỏ đi, còn T1, D4, T2 thì được người đi đường đưa đến bệnh viện Đ3 để điều trị thương tích. Kết quả giám định pháp y về thương tích cho thấy nhóm của T1 bị tổn thương cơ thể như sau: Đào Duy T1 08%, Phạm Minh T2 09%, Bùi Dương 3.

Tại bản cáo trạng số: 107/CT-VKSLK ngày 24/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, truy tố bị cáo Đào Duy Trường cùng đồng phạm về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa hôm nay: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Cả 3 bị cáo đều thừa nhận, vào ngày 30/4/2022 do đã sử dụng rượu bia nên khi thấy xe của Trần Anh T4 đậu không đúng vị trí, cản trở việc lưu thông, các bị cáo đã có những lời lẽ không hay chửi, thách thức Trần Anh T4 và sau đó xuống xe đánh nhau với nhóm Trần Anh T4, gây cản trở giao thông, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh giữ quyền công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng số: 107/CT-VKSLK ngày 24/6/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Duy T1, Phạm Minh T2 và Bùi D4 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đào Duy T1 và bị cáo Phạm Minh T2. Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm i, s khoản 1

Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Bùi Dưỡng**. Xử phạt bị cáo **Đào Duy T1** từ 8 đến 10 tháng tù; xử phạt bị cáo **Phạm Minh T2** từ 8 đến 10 tháng tù; xử phạt bị cáo **Bùi D4** từ 8 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về vật chứng và bồi thường dân sự: Đã giải quyết xong trong vụ án khác.

Người bào chữa cho các bị cáo **Đào Duy T1**, **Bùi D4** và **Phạm Minh T2** phát biểu quan điểm: Về tội danh và điều khoản truy tố, cũng như các tình tiết giảm nhẹ đối với cả 03 bị cáo, Luật sư không tranh luận với Kiểm sát viên. Tuy nhiên, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra là nặng so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, không cần thiết phải giam giữ các bị cáo như đề xuất của Viện kiểm sát. Sau khi sự việc xảy ra và đoạn video được lan truyền trên mạng xã hội, người dân đã rất bất bình về hành vi của nhóm người đánh các bị cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc, đưa ra mức hình phạt phù hợp, nhằm xoa dịu dư luận xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận, đối đáp: Đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của Luật sư bào chữa về việc đề xuất áp dụng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự vì sự việc đã quá rõ ràng khi có camera quay lại và việc các bị cáo thành khẩn khai báo trong quá trình điều tra đã được Viện kiểm sát xem xét đề xuất áp dụng tình tiết “thành khẩn khai báo” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời sau cùng: Cả 03 bị cáo đều thừa nhận hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố L**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh **Nguyễn Thế A**, anh **Trần Trung T5**, anh **Trần Đức H** và người làm chứng ông **Đoàn Anh P**, anh **Nguyễn Văn T6** vắng mặt, nhận thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo **Đào Duy T1**, **Bùi D4** và **Phạm Minh T2** khai nhận hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các đoạn video thu thập được cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Khoảng 16 giờ 45 ngày 30/4/2022 tại **đường L, thuộc khu phố A, phường X, thành phố L** (phía trước **cơ sở karaoke H3**), do có mâu thuẫn phát sinh trong việc cản trở xe ô tô lưu thông nên các bị cáo **Đào Duy T1**, **Bùi D4** và **Phạm Minh T2** đã có hành vi cự cãi, khiêu khích, thách thức rồi đánh nhau với nhóm của **Trần Anh T4**, **Trần Trung T5**, **Nguyễn Thế A**, **Trần Đức H** và **Trần Hoàng g** cản trở giao thông, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo **Đào Duy T1**, **Phạm Minh T2** và **Bùi D4** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như luận tội của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện ý thức coi thường kỷ cương xã hội, gây ảnh hưởng lớn đến an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Cả 03 bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra các bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi của bản thân; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bản thân các bị cáo đều là bị hại trong một vụ án khác khi bị **Trần Anh T4**, **Trần Trung T5**, **Nguyễn Thế A**, **Trần Đức H** và **Trần Hoàng đ** gây thương tích. Vì những lý do nêu trên, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về việc quyết định hình phạt đối với từng bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, cả ba bị cáo đều tham gia với vai trò là người thực hành, tuy nhiên cần phân hoá vai trò, vị trí của từng bị cáo để quyết định hình phạt cho phù hợp. **Đào Duy T1** là người đầu tiên cự cãi, chửi, thách thức nhóm của **Trần Anh T4** và xuống xe tham gia đánh nhau nên bị cáo **T1** là người tham gia với vai trò tích cực nhất. **Phạm Minh T2** cũng là đồng phạm tích cực khi có những lời lẽ thô tục, chửi, thách thức nhóm của **Trần Anh T4** và sau đó xuống xe tham gia đánh nhau. **Bùi D4** tham gia với vai trò thứ yếu, khi ngồi trên xe **D4** đã nhiều lần khuyên mọi người ra về, khi xuống xe **D4** chưa đánh trúng ai thì đã bị nhóm của **Trần Anh T4** đánh gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét thấy các bị cáo **Đào Duy T1**, **Bùi D4** và **Phạm Minh T2** đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo **Đào Duy T1** và bị cáo **Phạm Minh T2** hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo nhằm đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo **Bùi D4** tham gia trong vụ án với vai trò thứ yếu nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ nghiêm. Do bị cáo **Bùi D4** hiện đang nuôi 03 con nhỏ, và tình hình sức khỏe chưa ổn định sau khi bị đánh gây thương tích nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước.

[6] Các vấn đề khác: Đối với hành vi của **Phạm Văn Đ2**, do **Đ2** không tham gia đánh nhau với nhóm của **Trần Anh T4** nên không đồng phạm với các bị cáo **Đào Duy T1**, **Bùi D4** và **Phạm Minh T2** về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Tuy nhiên, khi ngồi trên xe ô tô, **Đ2** đã sử dụng rượu bia và có những lời lẽ chửi mắng, khiêu khích đối với **Trần Anh T4** nên **Công an thành phố L** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đ2** theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/01/2021 của Chính Phủ, là phù hợp.

Đối với hành vi của **Trần Anh T4**, **Trần Trung T5**, **Nguyễn Thế A**, **Trần Đức H** và **Trần H1** tham gia đánh nhau, gây thương tích cho **Bùi D4** với tỷ lệ tổn thương cơ thể 39%, **Phạm Minh T2** 09%, **Đào Duy T1** 08%, đã bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Về vấn đề xử lý vật chứng và bồi thường thiệt hại: Đã được xem xét giải quyết tại Bản án số 157/2023/HS-ST ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố, hình phạt là có căn cứ và phù hợp một phần nên chấp nhận một phần.

Ý kiến của Luật sư bào chữa về việc cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không phù hợp nên không được chấp thuận. Ý kiến của Luật sư bào chữa về việc không cần thiết phải giam giữ các bị cáo là phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Đào Duy T1** và bị cáo **Phạm Minh T2**.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo **Bùi Dưỡng**.

Tuyên bố: Bị cáo **Đào Duy T1**, bị cáo **Phạm Minh T2** và bị cáo **Bùi D4** phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt bị cáo **Đào Duy T1** 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo **Phạm Minh T2** 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo **Đào Duy T1** và bị cáo **Phạm Minh T2** cho Ủy ban nhân dân xã **B, huyện X, tỉnh Đồng Nai** giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì Ủy ban nhân dân xã (phường) giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan Thi hành án hình sự để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Bùi D4** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã **B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** nhận được bản án và quyết định thi hành án. Giao bị cáo **Bùi D4** cho Ủy ban nhân dân xã **B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai** giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ nhà nước đối với bị cáo.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326 của UBTWQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo **Đào Duy T1, Bùi D4** và **Phạm Minh T2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TPLK;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLK;
- Bị cáo; Nhà tạm giữ CATPLK;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Thị Hương